

Bản án số: 17/2021/DS-ST

Ngày: 17.6.2021

V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hằng

- Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận
Bà Nguyễn Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tráng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2021/QĐXX-ST ngày 26 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 169/2021/QĐST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 26/2021/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V; Địa chỉ: Số 89 đường H, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền ông Đỗ Thành T - Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý, theo văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07.7.2020.

Ông Đỗ Thành T ủy quyền cho ông Nguyễn Bá T; Lê Ngọc T; Nguyễn Anh T tham gia tố tụng, địa chỉ liên hệ tại Đà Nẵng: Tầng 4, số 112 đường T, quận C, thành phố Đà Nẵng (theo văn bản ủy quyền số 257/2020/UQ-VPB, ngày 29/10/2020) (ông T có mặt, ông T, ông T vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 123 (cũ), tổ 57 (mới), phường K, quận K, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Bà Nguyễn Thị T vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần V Chi nhánh Đà Nẵng - Phòng giao dịch Điện Biên Phủ theo Hợp đồng cho vay số 12949797, ngày 20/4/2017 và Giấy nhận nợ lần 1 số 12949797, cụ thể như sau: Số tiền vay: 190.000.000đ; thời hạn vay 48 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 8,5%/năm; lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng 1 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và ngày 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 20/4/2018, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/7/2018, mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau bậc thang cao nhất của bên Ngân hàng cộng biên độ 4%/năm. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng vốn vay: Mua xe ô tô nhãn hiệu CHIEN THANG.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là xe ô tô nhãn hiệu CHIEN THANG, màu sơn xanh, BKS: 43C-152.41, số khung 41ZLEDD00544; số máy LAAF15000361; đăng ký xe số 036737 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Đà Nẵng cấp ngày 18/4/2017 đứng tên Nguyễn Thị T, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 1294979 ngày 19/4/2017, đã đăng ký giao dịch tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản Đà Nẵng. Mặc dù thời hạn hợp đồng chưa hết nhưng bà Nguyễn Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi đối với Ngân hàng kể từ ngày 20/3/2019. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ sang nợ quá hạn và quyết định thu hồi nợ trước thời hạn đối với toàn bộ số nợ gốc, lãi theo thỏa thuận tại khoản 1 Điều 7 trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 01/7/2019.

Kể từ khi vay đến nay bà T đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền gốc 138.600.000đ; lãi trong hạn 40.747.386đ. Tính đến ngày 17/6/2021 bà Nguyễn Thị T còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng 63.104.051đ; trong đó tiền gốc: 51.400.000đ; lãi trong hạn 116.715đ; lãi quá hạn: 11.587.336đ.

Nay Ngân hàng TMCP V khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi nêu trên và phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng kể từ ngày 18/6/2021 theo Hợp đồng cho vay đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trong trường hợp bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình thì yêu cầu Tòa án cho phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu CHIEN THANG, màu sơn xanh, BKS: 43C-152.41, số khung 41ZLEDD00544; số máy LAAF15000361; đăng ký xe số 036737 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Đà Nẵng cấp ngày 18/4/2017 đứng tên Nguyễn Thị T, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 1294979 ngày 19/4/2017 để thu hồi nợ.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Toà án gửi thông báo thụ lý nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn; thông báo phiên hòa giải đúng thủ tục tố tụng nhưng bà T vẫn không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng số tiền 63.104.051đ, trong đó: Tiền gốc 51.400.000đ; lãi trong hạn: 116.715đ; nợ lãi quá hạn: 11.587.336đ (lãi tính đến ngày 17/6/2021) là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 464, 465, 466 Bộ luật Dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và xử lý tài sản thế chấp theo quy định tại Điều 299 Bộ luật dân sự 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Nguyễn Thị T tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào hợp đồng cho vay số 12949797 và Khế ước nhận nợ số 12949797 ngày 20.4.2017 thì Ngân hàng TMCP V có cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền: 190.000.000đ; thời hạn vay 48 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 8,5%/năm; lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng 1 lần. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích sử dụng vốn vay: Mua xe ô tô nhãn hiệu CHIEN THANG.

[3] Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là xe ô tô nhãn hiệu CHIEN THANG, màu sơn xanh, BKS: 43C-152.41, số khung 41ZLEDD00544; số máy LAAF15000361; đăng ký xe số 036737 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Đà Nẵng cấp ngày 18/4/2017 đứng tên Nguyễn Thị T, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 1294979 ngày 19/4/2017, đã đăng ký giao dịch tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản Đà Nẵng. Tính đến ngày 17/6/2021 bà Nguyễn Thị T còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng 63.104.051đ; trong đó tiền gốc: 51.400.000đ; lãi trong hạn 116.715đ; lãi quá hạn: 11.587.336đ.

[4] Qua nhiều lần Ngân hàng làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị T phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi nêu trên cho Ngân hàng và phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng kể từ ngày 18/6/2021 theo Hợp đồng cho vay đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trong trường hợp bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình thì yêu cầu Tòa án cho phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu CHIEN THANG, đứng tên bà Nguyễn Thị T, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 1294979 ngày 19/4/2017 để thu hồi nợ.

[5] Xét yêu cầu của Nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng cho vay số 12949797, ngày 20.4.2017 và Khế ước nhận nợ lần 1 số 12949797, ngày 20/4/2017 giữa Ngân hàng TMCP V và bà Nguyễn Thị T là hợp đồng vay thế chấp có đảm bảo bằng tài sản, phù hợp với nội dung, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã nhận đủ số tiền để mua xe và đã trả cho Ngân hàng được tiền gốc đến ngày 20/3/2019 là 138.600.000đ và lãi trong hạn 40.747.386đ, kể từ ngày 21/3/2019 cho đến nay bà T đã không trả bất cứ khoản nợ nào, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Tính đến ngày 17/6/2021 bà T còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng 63.104.051đ; trong đó tiền gốc: 51.400.000đ; lãi trong hạn 116.715đ; lãi quá hạn: 11.587.336đ.

[6] Xét yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp thì thấy: Căn cứ vào thỏa thuận của các bên về thế chấp tài sản, tại hợp đồng thế chấp xe ô tô số 1294979 ngày 19/4/2017 (áp dụng đối với động sản), được Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng chứng nhận bên bảo đảm là bà Nguyễn Thị T. Do đó, căn cứ quy định tại điều 299 Bộ luật dân sự 2015 Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp khi bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

[7] Sau khi bà Nguyễn Thị T trả hết toàn bộ số nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số 12949797, ngày 20.4.2017; Khế ước nhận nợ lần 1 số 12949797, ngày 20/4/2017 và chấm dứt thế chấp theo hợp đồng thế chấp thì Ngân hàng phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T giấy tờ về tài sản thế chấp, đồng thời yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm xóa đăng ký theo quy định của pháp luật.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bà Nguyễn Thị T phải hoàn trả lại cho Ngân hàng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

[9] Về án phí DSST sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30.12.2016 về việc quy định về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu trên số tiền phải trả 63.104.051đ x 5% = 3.155.202đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 299, 463, 464, 465, 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 157, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T.

2. Xử: Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền: 63.104.051đ; trong đó tiền gốc: 51.400.000đ; lãi trong hạn 116.715đ; lãi quá hạn: 11.587.336đ (lãi tính đến ngày 17/6/2021).

Bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP V kể từ ngày 18/6/2021 trên số tiền gốc chưa thanh toán theo hợp đồng cho vay số 12949797 và Khế ước nhận nợ lần 1 số 12949797, ngày 20.4.2017 đã ký với Ngân hàng TMCP V cho đến khi thi hành xong mọi khoản nợ.

Xử lý tài sản thế chấp: Tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu CHIEN THANG, số khung 41ZLFDB 00544; số máy LAAF15000361; Biển số 43C-15241; Giấy chứng nhận xe ô tô số 036737 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 18/4/2017 đứng tên bà Nguyễn Thị T, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 12949797 ngày 19.4.2017 được xử lý trong trường hợp bà Nguyễn Thị T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên.

Sau khi bà Nguyễn Thị T trả hết toàn bộ số nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số 12949797, Khế ước nhận nợ số 12949797, ngày 20/4/2017 và chấm dứt thế chấp theo hợp đồng thế chấp thì Ngân hàng phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T giấy tờ về tài sản thế chấp, đồng thời yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm xóa đăng ký theo quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 3.155.202đ (ba triệu một trăm năm mươi lăm ngàn hai trăm lẻ hai đồng) bà Nguyễn Thị T phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 1.405.000 đồng (một triệu bốn trăm lẻ năm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0002417 ngày 26 tháng 11 năm 2020.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 2.000.000đ bà Nguyễn Thị T phải chịu. Buộc bà Nguyễn Thị T phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hằng

